

EVFTA: Triển vọng đối với phát triển kinh tế Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Trong thế kỷ 21, toàn cầu hóa tiếp tục phát triển sâu rộng và tác động tới tất cả các nước, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Việt Nam không nằm ngoài xu thế tất yếu đó. Trong chiến lược phát triển kinh tế quốc tế, Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, mối quan hệ với Liên minh châu Âu (EU) luôn có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. EU luôn thuộc nhóm các đối tác chiến lược kinh tế - xã hội hàng đầu của Việt Nam trên toàn bộ các khía cạnh từ thương mại, đầu tư đến hợp tác phát triển. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được ký kết và có hiệu lực thực thi là minh chứng sâu sắc cho những nỗ lực hợp tác giữa EU với Việt Nam. EVFTA được kỳ vọng mang lại nhiều thuận lợi cho sự phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức.

1. Tổng quan về EVFTA

Theo Bộ Công Thương, EVFTA được khởi động đàm phán vào tháng 10/2010 sau khi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch châu Âu đã hoàn thành các công việc kỹ thuật. Trải qua hơn ba năm đàm phán, với 14 phiên chính thức và nhiều phiên giữa kỳ ở cấp Bộ trưởng, cấp Trưởng đoàn và các nhóm kỹ thuật, Việt Nam và EU đã đạt được thỏa thuận nguyên tắc về toàn bộ các nội dung cơ bản của Hiệp định. Ngày 02/12/2015, Việt Nam và EU ký tuyên bố về việc chính thức kết thúc đàm phán Hiệp định. Ngày 01/8/2020, EVFTA chính thức có hiệu lực.

TRU VIEN TP. CAN THO

Về nội dung, ngoài lời nói đầu, EVFTA gồm 17 chương, 02 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ, tuyên bố chung.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU là hiệp định tự do thế hệ mới nên bao hàm nhiều lĩnh vực. Đối với thương mại hàng hóa, cả EU và Việt Nam đều thực hiện cam kết ngay khi hiệp định có hiệu lực.

Liên minh châu Âu sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại (gồm một số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp), EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sẽ được EU xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc có lộ trình không quá 07 năm, gồm: Dệt may, giấy dếp và thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên), gạo, mật ong, toàn bộ các sản phẩm rau củ quả, rau củ quả chế biến, nước hoa quả khác, túi xách, va li, sản phẩm nhựa, sản phẩm gốm sứ thủy tinh.

Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế, tương đương 64,5% kim ngạch nhập khẩu từ EU; sau 10 năm là khoảng 99% số dòng thuế, tương đương 99,8% kim ngạch nhập khẩu từ EU. Đối với số dòng thuế còn lại, Việt Nam sẽ có lộ trình trên 10 năm hoặc dành ưu đãi cho EU trên cơ sở hạn ngạch thuế quan của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU sẽ loại bỏ 99% thuế quan giữa hai bên, đồng thời cắt giảm nhiều hàng rào phi thuế quan hiện đang tồn tại. Đây sẽ là cơ hội thuận lợi để Việt Nam tăng cường quan hệ thương mại với EU.

2. Triển vọng đối với phát triển kinh tế Việt Nam

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, được kỳ vọng không chỉ giúp nâng cao quy mô và chất lượng của nền kinh tế Việt Nam, mà sẽ đưa Việt Nam trở thành cửa ngõ và trung tâm sản xuất đối với các công ty châu Âu khi thâm nhập thị trường ASEAN. Việc thực thi EVFTA sẽ mang lại triển vọng lớn cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Hoạt động thương mại và đầu tư

Liên minh châu Âu là thị trường lớn có chính sách thương mại chung cho các nước thành viên, có đồng tiền chung dùng để thanh toán. Do vậy, cùng với việc ký kết Hiệp định, các doanh nghiệp Việt Nam có thể trao đổi kinh doanh, thanh toán, ký kết hợp đồng và thực hiện các hoạt động xúc tiến sản phẩm, khuyến mại, triển khai chiến lược thâm nhập sản phẩm vào khu vực thị trường rộng lớn, giảm chi phí marketing nói riêng và các chi phí xuất - nhập khẩu hàng hóa nói chung; thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai bên ngày càng phát triển sâu rộng.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam chỉ phải dự đoán mức độ rủi ro của một đồng tiền duy nhất là EUR. Việt Nam dễ khai thác được lợi thế của VND yếu hơn để giúp Việt Nam có thể điều chỉnh tỷ giá hối đoái có lợi cho xuất khẩu, giảm bớt mức độ phụ thuộc vào đồng USD trong thanh toán thương mại. Mặt khác, giảm đi sự phụ thuộc quá nhiều vào chu trình kinh tế và chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ. Hơn nữa, giá trị đồng EUR ổn định trong giao dịch thanh toán giữa hai bên giúp các nhà đầu tư tin tưởng¹.

Liên minh châu Âu hiện là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, nhưng thị phần hàng hóa của Việt

1 Nguyễn Thành Công và Phạm Hồng Nhung (2018), Tác động EVFTA đối với nền kinh tế Việt Nam.

Nam tại EU vẫn còn khiêm tốn. Các ngành dự kiến được hưởng lợi nhiều nhất từ EVFTA là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà EU hiện duy trì thuế quan cao như: Dệt may, da giày, nông sản... Quan trọng hơn, tiếp cận thị trường EU là bước đệm để Việt Nam tiếp cận các thị trường phát triển khác.

Không chỉ là đối tác thương mại lớn thứ năm của Việt Nam với kim ngạch thương mại hai chiều trung bình đạt 15 - 20% năm, EU còn là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, sau Hoa Kỳ. Trong những năm qua, quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - EU đã phát triển nhanh. EU luôn là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, ở cả chiều xuất khẩu và nhập khẩu. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của Việt Nam và EU có xu hướng liên tục tăng qua các năm. Giai đoạn 2009 - 2019, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam với EU tăng gần 4 lần, từ 14,7 tỷ USD trong năm 2009 lên 56,4 tỷ vào năm 2019; cán cân thương mại luôn thặng dư và đã tăng hơn 6 lần, từ 4,1 tỷ USD lên 26,6 tỷ USD. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 4 lần, từ 9,4 tỷ USD lên 41,5 tỷ USD và tổng kim ngạch nhập khẩu tăng gần 3 lần, từ 5,3 tỷ USD lên 14,9 tỷ USD.

Sau khi có hiệu lực, EVFTA dự kiến mang đến cho Việt Nam cơ hội có được nguồn hàng hóa, nguyên vật liệu nhập khẩu chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU. Đặc biệt có nhiều cơ hội tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của mình, đây là điểm mà Việt Nam còn đang thiếu và yếu.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau khi triển khai, EVFTA sẽ giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 20% vào năm 2020; 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030. Đồng thời, kim ngạch nhập khẩu từ EU cũng tăng nhưng với tốc độ thấp hơn xuất khẩu, cụ thể là khoảng 15,28% vào năm 2020; 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030.



Về mặt vĩ mô, EVFTA góp phần làm GDP của Việt Nam tăng thêm ở mức bình quân 2,18 - 3,25% (năm 2019 - 2023); 4,57 - 5,3% (năm 2024 - 2028) và 7,07 - 7,72% (năm 2029 - 2033).

Bên cạnh đó, EVFTA có hiệu lực thực thi góp phần cải thiện hoạt động đầu tư từ châu Âu.

Lợi thế cạnh tranh

Mặc dù EU là đối tác thương mại lớn của nhiều nước ASEAN, nhưng mới chỉ có Singapore và Việt Nam ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với EU. Trong giai đoạn 10 - 15 năm tới, với việc được hưởng mức thuế nhập khẩu thấp hơn, các cơ chế tạo thuận lợi thương mại ưu đãi hơn từ EVFTA, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nước ASEAN khác khi tiếp cận thị trường EU. Do đó, các doanh nghiệp cần tận dụng tối đa lợi thế này để thâm nhập vào thị trường, tạo chỗ đứng vững chắc cho hàng hóa trước khi phải cạnh tranh với hàng hóa tương tự từ ASEAN.

3. Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

Bên cạnh những triển vọng đối với phát triển kinh tế thì EVFTA cũng đặt ra một số vấn đề cho Việt Nam trong việc tận dụng những cơ hội và hạn chế các thách thức trong thời gian tới.

(i) Do chênh lệch về trình độ phát triển giữa EU và Việt Nam nên có sự chênh lệch khá lớn về sự tương thích luật pháp. Đây là thách thức, trở ngại lớn nhất trong quan hệ song phương. Vì vậy, Việt Nam cần phải nỗ lực hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nội luật hóa các cam kết đã ký để từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về sự tương thích luật pháp với EU.

(ii) EU là nền kinh tế thị trường từ rất sớm, phát triển cao. Mức sống của người dân EU luôn ở mức cao trên thế giới nên EU được coi là thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm hàng nhập khẩu cũng như an toàn thực phẩm. Điều này đặt ra những thách thức rất lớn đối với các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam trong việc tiếp cận và đáp ứng được yêu cầu của người tiêu

dùng tại thị trường EU. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam phải chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cũng như các yêu cầu về xuất xứ, bảo vệ môi trường, không sử dụng lao động trẻ em... Đặc biệt, Việt Nam cần tập trung xuất khẩu vào thị trường EU các mặt hàng nông sản và hàng tiêu dùng mà Việt Nam có thế mạnh như hàng may mặc, giày dép, thủy sản, cà phê, đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ với chất lượng, mẫu mã và tiêu chuẩn vệ sinh phù hợp với đòi hỏi khắt khe của người tiêu dùng châu Âu.

(iii) Về quy tắc xuất xứ, thông thường hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam do nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN.

(iv) Khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ ngành sản xuất nội địa, doanh nghiệp ở thị trường nhập khẩu có xu hướng gia tăng sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ. Năm 2019, các quốc gia thuộc EU đã khởi xướng điều tra hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam với 14 vụ điều tra².

(v) Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt hơn ngay tại thị trường nội địa. Trên thực tế, đây là một trở ngại rất lớn, do các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, cam kết mở cửa của Việt Nam có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, do đó, EVFTA cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh.

2 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 01/2020), Điều tra phòng vệ thương mại hàng Việt Nam 1 năm “được mùa”.

(vi) Thương hiệu sản phẩm của Việt Nam còn yếu. Hàng hóa của Việt Nam vẫn chưa được người tiêu dùng tại thị trường EU biết đến nhiều, hiệu quả của công tác quảng bá và thúc đẩy xuất khẩu chưa cao.

(vii) Trong quan hệ giữa Việt Nam và EU, các doanh nghiệp ngành dịch vụ tài chính của Việt Nam sẽ phải đối diện với những khó khăn không nhỏ về khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính của EU (có tiềm lực tài chính mạnh, trình độ quản lý cao). Trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ thì sự cạnh tranh này càng gay gắt, đòi hỏi các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính của Việt Nam phải nỗ lực và đổi mới mạnh mẽ.

Trần Thị Hà

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tài chính quốc tế và Chính sách hội nhập (2019), *Nghiên cứu chính sách và giải pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế tài chính giữa Việt Nam với EU*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện năm 2019.
2. Nguyễn An Hà (2016), *Điều chỉnh chính sách FTA của EU và đối sách của Việt Nam*.
3. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2020), *Tác động của EVFTA đến nền kinh tế Việt Nam và một số khuyến nghị*, Tạp chí Tài chính kỳ 1 tháng 3/2020.
4. Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng cục Thống kê, *Tình hình xuất nhập khẩu từ năm 2009 đến năm 2019*.
5. Vụ Thị trường châu Âu (2020), *Quan hệ song phương Việt Nam - EU*.